

Số: 2418 /QĐ-ĐHAG

An Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định điều kiện ngoại ngữ và tin học để được xét tốt nghiệp và nhận bằng tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hình thức giáo dục chính quy tại Trường Đại học An Giang”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 1250/QĐ-ĐHAG ngày 09/6/2017 của Trường Đại học An Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học An Giang;

Căn cứ “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành theo Quyết định Số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hình thức giáo dục chính quy theo học chế tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 262/VBHN ngày 18/8/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang;

Căn cứ vào chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức giáo dục chính quy;

Căn cứ vào tình hình thực tế và xét đề nghị của Lãnh đạo Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định điều kiện ngoại ngữ và tin học để được xét tốt nghiệp và nhận bằng tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hình thức giáo dục chính quy tại Trường Đại học An Giang”.

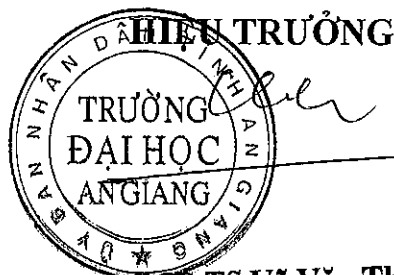
Điều 2. Quy định ban hành kèm theo Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Khoa, Trưởng phòng, Trưởng Bộ môn, Giảng viên và Sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐT.



PGS, TS Võ Văn Thắng

QUY ĐỊNH

**Điều kiện ngoại ngữ và tin học để được xét tốt nghiệp và nhận bằng tốt nghiệp
đối với sinh viên trình độ đại học hình thức giáo dục chính quy
tại Trường Đại học An Giang**

(Kèm theo Quyết định số: 2419 /QĐ-ĐHAG ngày 19 /12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang)

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với sinh viên trình độ đại học hình thức giáo dục chính quy. Riêng quy định về điều kiện ngoại ngữ và tin học để được xét tốt nghiệp chỉ áp dụng đối với khóa 19 (ĐH19) trở về sau.

2. Không áp dụng điều kiện ngoại ngữ để được xét tốt nghiệp và nhận bằng tốt nghiệp đối với: SV là người nước ngoài, sinh viên thuộc diện cử tuyển và sinh viên được xét tuyển thẳng thuộc huyện nghèo theo quy định của Chính phủ.

3. Không áp dụng điều kiện tin học để được xét tốt nghiệp và nhận bằng tốt nghiệp đối với sinh viên ngành Sư phạm Tin học, các ngành thuộc lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin (CNTT).

Điều 2. Mục đích

1. Rèn luyện tính tự giác học tập để nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên trong quá trình đào tạo nhằm đạt được trình độ tối thiểu về ngoại ngữ và tin học.

2. Giúp người học thuận lợi khi tìm việc cũng như có năng lực làm việc tốt tại các cơ quan, doanh nghiệp.

3. Giúp người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sau khi tốt nghiệp.

Điều 3. Điều kiện ngoại ngữ

1. Ngoại ngữ được áp dụng theo quy định này bao gồm các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn.

2. Điều kiện để được xét tốt nghiệp: sinh viên đã tích lũy các học phần ngoại ngữ không chuyên được thiết kế trong chương trình đào tạo (kể cả trường hợp được công nhận điểm miễn – M) hoặc đủ điều kiện ngoại ngữ để nhận bằng tốt nghiệp theo quy định ở Khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện để được nhận bằng tốt nghiệp

3.1. Đối với sinh viên không chuyên ngữ phải đạt một trong các điều kiện sau:

a. Có chứng chỉ B ngoại ngữ do Trường Đại học An Giang cấp.

b. Có chứng chỉ ngoại ngữ từ bậc 2 (A2) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục đại học, viện, trung tâm có thẩm quyền tại Việt Nam cấp hoặc tương đương (theo Phụ lục đính kèm).

c. Có bằng tốt nghiệp ngành ngoại ngữ trình độ cao đẳng trở lên.

3.2. Đối với sinh viên chuyên ngữ phải đạt hai điều kiện sau:

a. Có chứng chỉ ngoại ngữ từ bậc 5 (C1) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục đại học, viện, trung tâm có thẩm quyền tại Việt Nam cấp hoặc tương đương (theo Phụ lục đính kèm) đối với ngoại ngữ chính;

b. Đảm bảo một trong các điều kiện ngoại ngữ phụ (ngoại ngữ 2) quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Điều kiện tin học

1. Điều kiện để được xét tốt nghiệp: sinh viên đã tích lũy học phần Tin học đại cương được thiết kế trong chương trình đào tạo (kể cả trường hợp được công nhận điểm miễn - M) hoặc đủ điều kiện tin học để nhận bằng tốt nghiệp theo quy định ở Khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên phải đạt một trong các điều kiện sau:

2.1. Có chứng chỉ tin học Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao do Trung tâm Tin học - Trường Đại học An Giang cấp theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.2. Có chứng chỉ tin học được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông xét công nhận phù hợp với chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT. Cụ thể:

- Có chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) do tổ chức Certiport của Mỹ cấp (được xét công nhận theo Công văn 2819/BTTTT-CNTT ngày 31/8/2015 của của Bộ Thông tin và Truyền thông);

- Có ít nhất 02 trong 04 chứng chỉ tin học quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) do Microsoft cấp (được xét công nhận theo Công văn 2819/BTTTT-CNTT ngày 31/8/2015 của của Bộ Thông tin và Truyền thông): MOS Word, MOS Excel, MOS Powerpoint, MOS Access;

- Có chứng chỉ tin học trình độ A, B, C quốc gia được cấp trước ngày 15/12/2016 (được xét công nhận theo Điều 23 của Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông và Công văn số 6078/BGDĐT-GDĐT ngày 13/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT).

Điều 5. Thời hạn hiệu lực của các chứng chỉ dùng làm điều kiện

Chứng chỉ được dùng làm điều kiện theo Quy định này phải đang còn hiệu lực. Trường hợp trên chứng chỉ không ghi thời gian hiệu lực thì chứng chỉ phải đang trong thời gian không quá 05 (năm) năm kể từ ngày cấp đến thời điểm xét tốt nghiệp (đối với điều kiện dùng để xét tốt nghiệp) hoặc được công nhận tốt nghiệp (đối với điều kiện nhận bằng tốt nghiệp).

Điều 6. Thời gian nhận bằng

1. Sinh viên đã được công nhận tốt nghiệp đáp ứng các điều kiện ngoại ngữ và tin học theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 và Khoản 2 Điều 4 sẽ được nhận bằng từ năm tốt nghiệp trở đi.

2. Sinh viên chưa đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 thì từ năm sau năm tốt nghiệp nếu có các chứng chỉ này do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ, tin học... được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép kiểm tra và cấp chứng chỉ thì sẽ được nhận bằng tốt nghiệp.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sinh viên phải chủ động học tập, bồi dưỡng để đạt điều kiện ngoại ngữ và tin học theo Quy định này.

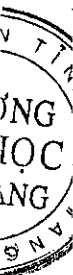
2. Có vấn học tập phổ biến quy định này cho sinh viên biết và tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên tích lũy các điều kiện ngoại ngữ và tin học để được xét, công nhận tốt nghiệp và nhận bằng tốt nghiệp. Đồng thời khuyến khích sinh viên tích lũy các kỹ năng ngoại ngữ và tin học ở mức độ cao hơn để đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng và nhu cầu học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

3. Các đơn vị trong Trường, theo chức năng, tổ chức thực hiện Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị và cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo để tổng hợp, trình Ban Giám hiệu xem xét, quyết định./.



PGS, TS Võ Văn Thắng



Phụ lục
BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ

1. Bảng quy đổi chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh

Chuẩn Việt Nam	Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC		TOEFL		Cambridge Tests
			Nghe và Đọc	Viết và Nói	ITP	IBT	
1 (A)	A1	< 3.0	< 400	< 90	< 337	< 31	45- 69 KET
2 (B)	A2	3.0 - 3.5	400	90	337	31	45 - 64 PET 70 - 89 KET
3 (C)	B1	4.0 - 4.5	450	110	450	35	45 - 59 FCE 65 - 79 PET 90 - 100 KET
4	B2	5.0 - 6.0	600	140	500	60	60 - 79 FCE 80 - 100 PET
5	C1	6.5 - 7.0	850	170	550	90	60 - 79 CAE 80 - 100 FCE
6	C2	7.5+	945+	190+	630+	111+	45 - 59 CPE 80 - 100 CAE

*** Ghi chú:**

- Chứng chỉ IELTS (International English Language Testing System) do Đại học Cambridge (University of Cambridge), Hội đồng Anh (British Council) và Tổ chức giáo dục (IDP) của Úc cấp.

- Chứng chỉ TOEIC (Test of English for International Communication) và chứng chỉ TOEFL (Test of English as a Foreign Language) do Viện Khảo thí Giáo dục Hoa kỳ (Educational Testing Service - ETS) cấp (chỉ chấp nhận các chứng chỉ được kiểm tra đủ 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết).

- Chứng chỉ Cambridge ESOL do Trường Đại học Cambridge English cấp.

2. Bảng quy đổi chuẩn trình độ một số ngoại ngữ khác

Chuẩn Việt Nam	Tiếng Pháp			Tiếng Trung		Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
	DELF	TCF	TEF	HSK	TOCFL			
1	DELF A1	TCF1 (100-199)	TEF1 (69-203)	HSK 1	TOCFL 1	A1	JLPT N6	Topik I - level 1
2	DELF A2	TCF2 (200-299)	TEF2 (204-360)	HSK 2	TOCFL 2	A2	JLPT N5	Topik I - level 2
3	DELF B1	TCF3 (300-399)	TEF3 (361-540)	HSK 3	TOCFL 3	B1 ZD	JLPT N4	Topik II - level 3
4	DELF B2	TCF4 (400-499)	TEF4 (541-698)	HSK 4	TOCFL 4	B2 test DaF level 4	JLPT N3	Topik II - level 4
5	DALF C1	TCF5 (500-599)	TEF5 (699-833)	HSK 5	TOCFL 5		JLPT N2	Topik II - level 5
6	DALF C2	TCF6 (600-699)	TEF5 (834-900)	HSK 6	TOCFL 6		JLPT N1	Topik II - level 6

*** Ghi chú:**

- Bằng DELF (Diplôme d'Etudes en Langue Française), DALF (Diplôme Aprofondi de Langue Française) của Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc tế Sèvres - Pháp (Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres).

- Chứng chỉ TCF (Test de Connaissance du Français) của Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc tế Sèvres - Pháp (Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres) cấp.

- Chứng chỉ TEF (Test d'Evaluation de Français) của CCIP (Chambre d'Industrie et de Commerce de Paris) cấp.

- Chứng nhận năng lực ngoại ngữ tiếng Pháp (theo khung tham chiếu Châu Âu) do các cơ sở giáo dục đại học, viện, trung tâm có thẩm quyền cấp.

- Chứng chỉ HSK (Hanyu Shuiping Kaoshi): Chứng chỉ Hán Ngữ quốc tế do Văn phòng Hán ngữ Trung Quốc tổ chức thi và cấp bằng.

- Chứng chỉ TOCFL (Test Of Chinese as a Foreign Language): Chứng chỉ Hoa ngữ Quốc gia do Bộ Giáo dục Đài Loan cấp.

- Đối với tiếng Đức, tiếng Nga và tiếng Nhật: Bằng, chứng chỉ do các tổ chức khảo thí ngoại ngữ quốc tế hợp pháp cấp. /.